

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình hành động và Kế hoạch thi đua  
ngành Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2021-2025**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân và Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động và Kế hoạch thi đua ngành Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2021-2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT: Lãnh đạo Bộ, Đảng ủy, Công đoàn cơ quan, các đơn vị thuộc Bộ (bản điện tử);
- VPB: LĐVP, KSTTHC, TK (để theo dõi, đôn đốc, báo cáo);
- Sở KH&ĐT, Ban Quản lý KKT, KCN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Vụ TH



**BỘ TRƯỞNG**

Nguyễn Chí Dũng



**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH THI ĐUA NGÀNH  
KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số ~~1274~~ QĐ-BKHĐT ngày 13 tháng 9 năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*



**A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Chương trình hành động và Kế hoạch thi đua ngành Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2021-2025 nhằm cụ thể hóa và phấn đấu thực hiện đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; hưởng ứng mạnh mẽ lời kêu gọi đoàn kết, đồng lòng phòng chống đại dịch Covid-19 của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và hưởng ứng phong trào thi đua đặc biệt “*phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19*” thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính.

Các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án cụ thể của Chương trình hành động của Ngành phải bám sát và cụ thể hóa được các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động nhiệm kỳ 2021-2026 của Chính phủ; gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện thực tế; đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, khả thi cao nhất.

Kế hoạch thi đua toàn ngành Kế hoạch và Đầu tư nhằm huy động sức mạnh, trí tuệ tập thể; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước hùng cường, cùng đồng lòng, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, quyết tâm phấn đấu của toàn Ngành, của từng cán bộ, công chức, người lao động, đồng thời thể hiện cam kết quyết tâm hành động hiệu quả của ngành Kế hoạch và Đầu tư nhằm thực hiện thắng lợi, hiệu quả các mục tiêu của Đảng, Nhà nước đề ra với phương châm “*bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân trước dịch bệnh là nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên hàng đầu; bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ kịp thời các đối tượng dễ bị tổn thương, đối tượng gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, lâu dài; tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, chuẩn bị kỹ các điều kiện, sẵn sàng tận dụng cơ hội để phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng,*



*phát triển bền vững là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách”.*

Chủ đề phong trào thi đua ngành Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2021-2025: *“Toàn ngành Kế hoạch và Đầu tư đoàn kết, tiên phong gương mẫu, chủ động, sáng tạo, đồng hành cùng Chính phủ chủ động chiến thắng dịch bệnh, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025”* nhằm cụ thể hóa Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

## **B. NHIỆM VỤ, NỘI DUNG CHỦ YẾU**

Các đơn vị trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị kế hoạch đầu tư thuộc các Bộ, cơ quan trung ương, các Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chủ động triển khai thực hiện và tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ, nội dung chủ yếu sau:

### **I. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG TOÀN NGÀNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2021-2026 THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025**

**1. Tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, căn cứ vào tình hình thực tế và địa bàn cụ thể để lựa chọn ưu tiên, bảo đảm sức khỏe, tính mạng của Nhân dân là trên hết, trước hết và bảo đảm an sinh xã hội**

a) Toàn Ngành phải tăng cường chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao ý thức phòng, chống dịch bệnh trong nội bộ, đảm bảo từng cán bộ, công chức, nhân viên, người lao động trong cơ quan nhận thức đầy đủ, tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác trước dịch bệnh; tuân thủ tuyệt đối chỉ đạo về phòng, chống dịch của cấp có thẩm quyền ở trung ương và của địa phương; chủ động trong công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành; nỗ lực hết mình, bám sát tình hình thực tiễn, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương, mạnh mẽ đề xuất các giải pháp tổng thể, đồng bộ, linh hoạt, kịp thời để đạt hiệu quả cao nhất trong phòng, chống dịch Covid-19 và đồng thời thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của địa phương.

Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh Covid-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV.

b) Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế khả thi, hiệu quả với kế hoạch hành động cụ thể. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, xử lý kịp thời, hiệu quả những vướng mắc trong việc thực hiện quy định của pháp luật đấu thầu để mua sắm phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19.



## **2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

a) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với thực thi nghiêm pháp luật trong ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công trong Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh của Quốc hội. Tiếp tục phối hợp hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp để vận hành thông suốt, hiệu quả các loại thị trường. Chủ động trao đổi, đối thoại, hợp tác với các tổ chức quốc tế, các đối tác nước ngoài nhằm tiếp thu các thông lệ tốt về cải cách thể chế kinh tế và vận động các hỗ trợ kỹ thuật cần thiết có liên quan

Chủ động, tích cực rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và kịp thời; gắn kết giữa công tác xây dựng và tổ chức thực hiện với kiểm tra, giám sát hiệu quả thi hành pháp luật. Trong đó, đẩy mạnh rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo, chưa đầy đủ hoặc vướng mắc, nhất là về quy hoạch, đầu tư, đấu thầu... để tháo gỡ những "điểm nghẽn" và giải quyết những vấn đề tồn đọng, gây thất thoát, lãng phí, giải phóng nguồn lực cho phát triển, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh công bằng, bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi. Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về đầu tư đối với những lĩnh vực được giao quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương rà soát, đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho các dự án đầu tư, kinh doanh thuộc thẩm quyền của Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư tại các bộ, ngành và địa phương. Phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Hải quan, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

c) Xây dựng Đề án thí điểm tách giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, bồi thường, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư để đẩy nhanh tiến độ. Đổi mới mạnh mẽ, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm đi đôi với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và nâng cao hiệu quả phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

d) Triển khai đồng bộ thực hiện Chiến lược phát triển thống kê. Nâng cao chất lượng phân tích, dự báo, cảnh báo; hoàn thiện hệ thống thông tin, thống kê. Theo dõi sát diễn biến tình hình trong nước và quốc tế, kịp thời dự báo và chuẩn bị phương án, kịch bản, biện pháp, đối sách ứng phó hiệu quả với những biến động, vấn đề mới phát sinh. Chủ động tăng cường phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương trong Tổ điều hành kinh tế vĩ mô để phân tích, đánh giá, dự báo các diễn biến trong và ngoài nước, tham mưu kịp thời cho Chính phủ, Thủ tướng



Chính phủ trong công tác điều hành nhằm đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế.

đ) Khẩn trương hoàn thành các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch. Nghiên cứu, đề xuất hình thành vùng không gian phát triển phù hợp để thúc đẩy liên kết kinh tế vùng. Đẩy mạnh hơn nữa phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm gắn với kiểm soát quyền lực và tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát; tạo sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của cấp dưới.

### **3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh**

a) Xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

b) Tăng cường thực hiện hiệu quả Luật Đầu tư công; tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các dự án lớn, quan trọng của quốc gia, kết nối vùng và liên vùng, tạo sự liên kết, hiệu ứng lan tỏa, gia tăng động lực tăng trưởng; kiên quyết khắc phục tình trạng dàn trải, manh mún, kéo dài.

Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về đầu tư công theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đồng thời đảm bảo quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân các dự án đầu tư thuộc phạm vi phụ trách. Quyết liệt thực hiện các giải pháp về đẩy mạnh giải ngân gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công ngay từ đầu nhiệm kỳ. Tiếp tục đẩy mạnh việc đôn đốc và kiểm tra, xử lý những vướng mắc của các bộ, ngành và địa phương trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Phần đầu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt trên 90% kế hoạch Quốc hội giao.

c) Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN); hoàn thiện khung khổ pháp lý về DNNN bảo đảm sự tương thích với các Luật và văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành. Gắn trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, nhất là người đứng đầu để đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư ngoài ngành. Củng cố, phát triển một số tập đoàn kinh tế nhà nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh. Nâng cao hiệu quả của DNNN sau cổ phần hoá.

d) Thúc đẩy quá trình nâng cao năng suất lao động trên cơ sở chuyển đổi số, kinh tế số. Ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế.

đ) Tăng cường thu hút đầu tư một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công



nghe mới, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ như công nghệ thông tin và viễn thông, điện tử, trí tuệ nhân tạo, sản xuất robot, công nghiệp ô tô, công nghệ sinh học, điện tử y sinh, sản xuất phần mềm, sản phẩm số, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách còn bất cập, mâu thuẫn, chông chéo để giải phóng sức phát triển công nghiệp của cả khu vực nhà nước và tư nhân. Phối hợp với Bộ Công Thương và các địa phương để xây dựng cơ chế chính sách đảm bảo cân đối điện.

e) Tập trung rà soát, đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong ngành Kế hoạch và Đầu tư. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác tổ chức, quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **4. Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực**

a) Thu hút tối đa, đa dạng hóa hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước. Kiểm kê, đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ các nguồn lực của nền kinh tế. Ưu tiên thu hút các nguồn lực phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các cực tăng trưởng, các đô thị lớn, các ngành mũi nhọn, các công trình trọng điểm quốc gia. Tập trung tháo gỡ vướng mắc của các dự án đầu tư còn tồn đọng, kéo dài thuộc mọi thành phần kinh tế.

b) Đẩy mạnh hợp tác công tư để huy động mọi nguồn lực cho phát triển. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng cả về quy mô, chất lượng, thực sự là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c) Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật về đầu tư nước ngoài, tăng cường liên kết giữa khu vực kinh tế trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Chấn chỉnh công tác quản lý, triển khai dự án đầu tư, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường, phù hợp quy hoạch, theo đúng các tiêu chí lựa chọn, sàng lọc dự án... Xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi mang tính cạnh tranh quốc tế đối với các dự án lớn, quan trọng để thu hút được các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

d) Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ phù hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã khai thác thị trường nội địa và tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, chú trọng phát huy nội lực của nền kinh tế, đồng thời tiếp tục huy động vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ. Thu hút có chọn lọc các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài, nhất là các luồng vốn đầu tư nước ngoài dịch chuyển trong khu vực toàn cầu.



## **5. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế**

Tập trung, ưu tiên đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động và đổi mới cơ chế quản lý, mô hình phát triển của các khu kinh tế, khu công nghiệp. Nghiên cứu hình thành phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh.

Xây dựng cơ chế, chính sách để phát huy vai trò động lực tăng trưởng của các vùng kinh tế trọng điểm, sớm tạo các vùng động lực mới, cực tăng trưởng mới, đẩy mạnh liên kết nội vùng và giữa các vùng. Hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp lý về vùng. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng. Xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế cao đối với một số địa điểm, đô thị có lợi thế đặc biệt được lựa chọn để xây dựng trung tâm kinh tế, tài chính.

## **6. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và triển khai các giải pháp chuyển đổi số**

Đẩy nhanh xây dựng các cơ sở của Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia tại Hà Nội; thành lập các cơ sở của Trung tâm tại Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh. Tăng cường liên kết mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia kết nối với các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới chuyên gia người Việt Nam trong và ngoài nước; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự phát triển bền vững 2030 của Liên hợp quốc. Xây dựng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn.

Thúc đẩy hỗ trợ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2021-2025. Đẩy nhanh triển khai toàn diện và hiệu quả chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2021-2025. Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số tại “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và “Kế hoạch chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”. Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng công nghệ số, nền tảng số dùng chung trong ngành Kế hoạch và Đầu tư.

## **7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo**

Tiếp tục kiện toàn bộ máy, tổ chức cán bộ của các cơ quan, đơn vị trong Ngành theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp, trong sạch, đoàn kết, vững mạnh. Nâng cao chất lượng tham mưu cho Đảng và Nhà nước phù hợp với tình hình mới, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả, xứng đáng là cơ quan tiên phong trong đổi mới, cải cách thể chế kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội đất nước.



Nâng cao năng lực, phẩm chất cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành. Phát huy dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, nêu gương, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và lề lối làm việc của các cơ quan, đơn vị, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng tốt mọi yêu cầu, nhiệm vụ của Ngành nói chung và Bộ Kế hoạch và Đầu tư nói riêng trong tình hình mới. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ. Không ngừng nâng cao kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số.

Làm tốt công tác cán bộ để lựa chọn, bố trí đúng người có đức, có tài, có tâm; “cần, kiệm, liêm, chính”, “chí công vô tư”, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là các vị trí lãnh đạo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm thực thi công vụ gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tập trung đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm; triển khai đồng bộ, thường xuyên và toàn diện công tác luân chuyển cán bộ; phân công đúng người, đúng việc, tạo môi trường công tác tốt để phát huy năng lực sở trường, khuyến khích, động viên, tạo động lực sáng tạo và cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao tính cầu thị, đóng góp của tập thể trong phát triển các ý tưởng thành sáng tạo, mang lại hiệu quả cao trong công vụ.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục cải cách, đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiết giảm chi phí và tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức. Tiếp tục tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, xử lý công việc trên môi trường mạng. Triển khai các chế độ báo cáo, chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, kết nối với Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; thường xuyên triển khai công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ; kiểm soát chặt chẽ và làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân gây thất thoát, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các lĩnh vực quan trọng của Ngành, đảm bảo khách quan, đúng quy định; tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, vấn đề gây bức xúc trong đời sống xã hội. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra và kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ thanh tra trong sạch, vững mạnh.

Đẩy mạnh triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về



phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; bảo vệ người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng.

### **8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân**

Đẩy mạnh xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và cán bộ. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII gắn với việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” một cách thực chất.

Phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của bí thư cấp ủy, người đứng đầu, thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ; làm rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị. Xây dựng và thực hiện phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, trọng dân, gần dân, hiểu dân, vì dân, bám sát thực tiễn, chịu khó học hỏi, nói đi đôi với làm.

Xây dựng mục tiêu, giải pháp nhằm lãnh đạo đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong xây dựng, tham mưu điều hành, hoạch định chính sách và quản lý vĩ mô; tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thực hiện tốt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) và hằng năm; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị tư tưởng, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ đảng viên.

### **9. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, tạo niềm tin, đồng thuận xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở**

Thực hiện tốt công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở, thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội. Thực hiện nghiêm quy chế người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch về các hoạt động của ngành và những vấn đề dư luận quan tâm.

Củng cố tổ chức, bộ máy, cán bộ, đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan báo chí ngành Kế hoạch và Đầu tư, bảo đảm thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về hoạt động báo chí, truyền thông, đáp ứng yêu cầu của Ngành. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông, tuyên truyền theo hướng chủ động, bám sát các Kế hoạch công tác năm của bộ, ngành, của các đơn vị trong toàn Ngành để xây dựng Chiến lược truyền thông cụ thể trên



phương châm dẫn dắt, phối hợp, đồng thuận và minh bạch.

## II. KẾ HOẠCH THI ĐUA GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Thường xuyên, liên tục quán triệt, tuyên truyền, tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ, ngành Kế hoạch và Đầu tư về công tác thi đua, khen thưởng, nhất là quán triệt sâu sắc tư tưởng thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và Kế hoạch 5 năm (2021-2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong nhận thức, tư tưởng của các cấp ủy đảng, chính quyền, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong triển khai công tác thi đua, khen thưởng.

Các cấp ủy Đảng, Thủ trưởng các đơn vị trong Ngành phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua thực sự nghiêm túc, đồng bộ, xuyên suốt, sâu rộng với nội dung, hình thức phong phú, phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng đơn vị, từng địa bàn, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tạo thành phong trào, hành động cách mạng, mang ý nghĩa chính trị sâu sắc trong toàn ngành Kế hoạch và Đầu tư.

2. Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ, Ngành, quy định của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặc thù, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện.

3. Đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả, sáng tạo các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động, trong đó trọng tâm là thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết của Đảng và Quốc hội và các phong trào thi đua khác như: Chỉ thị số 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”, phong trào thi đua đặc biệt “Phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19” và các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát động như phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025”, “Cán bộ Kế hoạch và Đầu tư đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề khác do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát động.

4. Chú trọng đổi mới nội dung, hình thức tổ chức, đổi mới phương thức đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua đảm bảo thực chất, hiệu quả trên cơ sở bám sát nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị, Bộ, Ngành hàng năm và trong cả



giai đoạn 2021-2025; phát huy tinh thần sáng tạo, linh hoạt, phù hợp, hiệu quả, thực chất; huy động sự tham gia đông đảo, hưởng ứng tích cực của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, trong toàn Ngành. Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác khen thưởng.

5. Đề cao vai trò, trách nhiệm tiên phong gương mẫu của Bí thư cấp ủy và người đứng đầu các đơn vị trong toàn Ngành, tất cả vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Tập trung nâng cao chất lượng khen thưởng, đảm bảo kịp thời, chính xác, công khai, công bằng, có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương. Khen thưởng phải bám sát thi đua thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm cấp bách của từng đơn vị, địa phương gắn với việc giải quyết các vấn đề lớn, bức xúc của đời sống xã hội, những việc làm tốt, những sáng kiến mang lại hiệu quả cao.

Đặc biệt cần quan tâm chú trọng tuyên truyền các mô hình hay, hiệu quả, các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho các thế hệ trong Ngành nhằm khơi gợi sự tự hào, học hỏi, tiếp nối của các thế hệ trong Ngành, đặc biệt là thế hệ trẻ.

### **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động này và các đề án, nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết hằng năm của đơn vị; tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, bảo đảm thực hiện kịp thời và hiệu quả những nội dung của Chương trình hành động.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hằng năm kiểm điểm tình hình thực hiện Chương trình hành động này, báo cáo Lãnh đạo Bộ, đồng thời gửi Văn phòng Bộ và Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân để theo dõi, tổng hợp.

3. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này tại cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và kiến nghị với Lãnh đạo Bộ về các biện pháp cần thiết bảo đảm thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động.

4. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; định kỳ tổng hợp, báo cáo và kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cần thiết đảm bảo thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ.

5. Thủ trưởng các đơn vị trong toàn ngành quán triệt, xây dựng kế hoạch



triển khai phong trào thi đua của đơn vị gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ trước ngày 20 tháng 9 năm 2021 để theo dõi, tổng hợp và làm căn cứ đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm và 5 năm.

6. Hằng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trong toàn Ngành lấy kết quả triển khai tổ chức thực hiện Phong trào thi đua là nội dung chính để đánh giá thi đua và xem xét khen thưởng theo thẩm quyền cho các tập thể, các nhân thuộc cơ quan, đơn vị.

Đối với khen thưởng sơ kết, tổng kết Phong trào thi đua, Bộ và các đơn vị trong Ngành tiến hành sơ kết, tổng kết xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc theo thẩm quyền và lựa chọn tập thể, cá nhân xuất sắc tiêu biểu để đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng khen thưởng theo quy định. Các đơn vị trong toàn Ngành thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo và công tác sơ kết, tổng kết thực hiện phong trào thi đua.

7. Các Báo, Tạp chí, Cổng thông tin điện tử của Bộ và các trang tin của các đơn vị trong toàn Ngành chủ động, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng thời lượng các chuyên trang, chuyên mục về thi đua, khen thưởng; đẩy mạnh tuyên truyền về nội dung, kết quả thực hiện phong trào thi đua, nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, những điển hình tiên tiến trong các lĩnh vực hoạt động của Ngành.

8. Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Chương trình hành động và Kế hoạch thi đua này đến các đơn vị thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư; tham mưu tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết, phát hiện, đề xuất khen thưởng, biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; tuyên truyền kết quả thực hiện, các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

Quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, đề nghị các đơn vị phản ánh về Văn phòng Bộ, Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân và Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.





**Phụ lục I**

**CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025**

(Kèm theo Chương trình hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1274/QĐ-BKHĐT ngày 13 tháng 9 năm 2021)

| STT       | CHỈ TIÊU   | ĐƠN VỊ | KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021 - 2025 | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ | KỶ ĐÁNH GIÁ              |
|-----------|--|--------|----------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| <b>I</b>  | <b>VỀ KINH TẾ</b>  |        |                            | <b>Tổng cục Thống kê</b>          |                          |
| 1         | Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm        | %      | 6,5 - 7                    |                                   | Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm |
| 2         | GDP bình quân đầu người đến năm 2025                                     | USD    | 4.700 - 5.000              |                                   | Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm |
| 3         | Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng            | %      | Khoảng 45                  |                                   | Giữa kỳ, 5 năm           |
| 4         | Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân năm                      | %      | Trên 6,5                   |                                   | Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm |
| <b>II</b> | <b>VỀ XÃ HỘI</b>   |        |                            | <b>Tổng cục Thống kê</b>          |                          |
| 1         | Tuổi thọ trung bình  | Tuổi   | Khoảng 74,5                |                                   | Giữa kỳ, 5 năm           |
|           | - Trong đó: số năm sống khỏe   | Năm    | Tối thiểu 67               |                                   |                          |
| 2         | Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm cuối kỳ | %      | Khoảng 25                  |                                   | Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm |



| STT        | CHỈ TIÊU   | ĐƠN VỊ | KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021 - 2025 | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DỐI, ĐÁNH GIÁ | KỲ ĐÁNH GIÁ              |
|------------|--|--------|----------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| 3          | Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đến năm cuối kỳ  | %      | Dưới 4                     |                                   | Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm |
| <b>III</b> | <b>VỀ MÔI TRƯỜNG</b>   |        |                            | <b>Vụ Quản lý các khu kinh tế</b> |                          |
|            | Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường | %      | 92                         |                                   | Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm |



**Phụ lục II**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CỦA NGÀNH, LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021 - 2025**

(Kèm theo Chương trình hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số ~~1274~~ **1274**/QĐ-BKHĐT ngày ~~13~~ **13** tháng 9 năm 2021)



| TT        | CHỈ TIÊU   | ĐƠN VỊ             | KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ | KỲ BÁO CÁO                      |
|-----------|--|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
| <b>IV</b> | <b>VỀ DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ</b>            |                    |                                |                                   | <b>Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm</b> |
| 1         | Doanh nghiệp   |                    |                                | Cục Quản lý đăng ký kinh doanh    |                                 |
|           | - Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập (lũy kế)    | Nghìn doanh nghiệp | 2.125                          |                                   |                                 |
|           | - Số doanh nghiệp đăng ký mới                        | Nghìn doanh nghiệp | 710                            |                                   |                                 |
|           | - Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới | Nghìn tỷ đồng      | 13.000                         |                                   |                                 |
| 2         | Kinh tế tập thể                                      |                    |                                | Cục Phát triển hợp tác xã         |                                 |
|           | - Tổng số hợp tác xã                                 | Hợp tác xã         | 35.000                         |                                   |                                 |
|           | <i>Trong đó:</i>                                     |                    |                                |                                   |                                 |



| <b>TT</b> | <b>CHỈ TIÊU</b>                     | <b>ĐƠN VỊ</b>        | <b>KẾ HOẠCH<br/>GIAI ĐOẠN<br/>2021 - 2025</b> | <b>ĐƠN VỊ CHỦ<br/>TRÌ THEO<br/>DÕI, ĐÁNH<br/>GIÁ</b> | <b>KỲ BÁO CÁO</b>        |
|-----------|-------------------------------------|----------------------|---|--|--------------------------|
|           | + Thành lập mới                     | Hợp tác xã           | 12.000  |  |                          |
|           | + Giải thể                          | Hợp tác xã           | 3.000   |  |                          |
|           | - Tổng số lao động trong hợp tác xã | Nghìn người          | 1.500   |  |                          |
|           | - Tổng số liên hiệp hợp tác xã      | Liên hiệp hợp tác xã | 210   |  |                          |
|           | - Tổng số tổ hợp tác                | Tổ hợp tác           | 134.000                                       |  |                          |
| <b>V</b>  | <b>VỀ DÂN SỐ</b>                    |                      |   |  |                          |
|           | Dân số trung bình                   | Triệu người          | 102   | Tổng cục<br>Thống kê                                 | Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm |





**Phụ lục III**  
**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN**

(Kèm theo Chương trình hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số **1274/QĐ-BKHĐT** ngày **13** tháng 9 năm 2021)

| TT        | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ              | CƠ QUAN PHỐI HỢP              | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH |
|-----------|---|------------------------------|-------------------------------|-----------------|-----------|
| <b>I</b>  | <b>Tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sức khỏe, tính mạng của Nhân dân là trên hết, trước hết và bảo đảm an sinh xã hội</b> |                              |                               |                 |           |
| 1         | Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế   | Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân | Các đơn vị liên quan          | 2021            | Chính phủ |
| 2         | Xây dựng các kịch bản điều hành phát triển kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19 phức tạp, kéo dài   | Tổng cục Thống kê            | Các đơn vị liên quan          | 2021 - 2025     | Chính phủ |
| <b>II</b> | <b>Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</b>  |                              |                               |                 |           |
| 3         | Đề nghị xây dựng Luật Đấu thầu (sửa đổi)  | Cục Quản lý đấu thầu         | Các đơn vị liên quan          | 2021            | Chính phủ |
| 4         | Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê   | Tổng cục Thống kê            | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Quốc hội  |
| 5         | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia   | Tổng cục Thống kê            | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2023            | Chính phủ |



| TT | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN   | CƠ QUAN CHỦ TRÌ           | CƠ QUAN PHỐI HỢP              | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH           |
|----|--|---------------------------|-------------------------------|-----------------|---------------------|
| 6  | Sửa đổi Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia  | Tổng cục Thống kê         | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2022            | Thủ tướng Chính phủ |
| 7  | Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Thống kê để phổ biến các chỉ tiêu thống kê theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo nội dung Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Nghị quyết phiên họp của Chính phủ trực tuyến với các địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2020 | Tổng cục Thống kê         | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2025     | Thủ tướng Chính phủ |
| 8  | Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã 2012  | Cục Phát triển hợp tác xã | Các đơn vị liên quan          | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |
| 9  | Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã năm 2012   | Cục Phát triển hợp tác xã | Các đơn vị liên quan          | 2022            | Quốc hội            |
| 10 | Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã sửa đổi   | Cục Phát triển hợp tác xã | Các đơn vị liên quan          | 2023            | Chính phủ           |
| 11 | Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã sửa đổi  | Cục Phát triển hợp tác xã | Các đơn vị liên quan          | 2023            | Bộ trưởng           |
| 12 | Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050   | Vụ Quản lý quy hoạch      | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2022     | Quốc hội            |



| TT         | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ      | CƠ QUAN PHỐI HỢP              | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH           |
|------------|---|----------------------|-------------------------------|-----------------|---------------------|
| 13         | Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050   | Vụ Quản lý quy hoạch | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2023     | Thủ tướng Chính phủ |
| 14         | Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050   | Vụ Quản lý quy hoạch | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2023     | Thủ tướng Chính phủ |
| 15         | Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050  | Vụ Quản lý quy hoạch | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2023     | Thủ tướng Chính phủ |
| 16         | Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050  | Vụ Quản lý quy hoạch | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2023     | Thủ tướng Chính phủ |
| 17         | Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050   | Vụ Quản lý quy hoạch | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2023     | Thủ tướng Chính phủ |
| 18         | Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050   | Vụ Quản lý quy hoạch | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |
| <b>III</b> | <b>Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh</b> |                      |                               |                 |                     |
| 19         | Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045  | Tổng cục Thống kê    | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |



| <b>TT</b> | <b>TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN</b>   | <b>CƠ QUAN CHỦ TRÌ</b>                     | <b>CƠ QUAN PHỐI HỢP</b>       | <b>THỜI GIAN TRÌNH</b> | <b>CẤP TRÌNH</b>    |
|-----------|---|--|-------------------------------|------------------------|---------------------|
| 20        | Xây dựng khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội  | Tổng cục Thống kê                          | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Quý IV/2021            | Thủ tướng Chính phủ |
| 21        | Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025   | Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021                   | Quốc hội            |
| 22        | Báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025   | Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân               | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2023                   | Quốc hội            |
| 23        | Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 | Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân               | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2025                   | Quốc hội            |
| 24        | Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm sau                             | Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân               | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Hàng năm               | Quốc hội            |
| 25        | Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050                       | Vụ Kinh tế dịch vụ                         | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2022            | Thủ tướng Chính phủ |



| TT        | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ              | CƠ QUAN PHỐI HỢP              | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH           |
|-----------|---|------------------------------|-------------------------------|-----------------|---------------------|
| 26        | Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050               | Vụ Kinh tế dịch vụ           | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2025            | Thủ tướng Chính phủ |
| <b>IV</b> | <b>Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực</b>   |                              |                               |                 |                     |
| 27        | Đề án định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2021 - 2025  | Vụ Kinh tế đối ngoại         | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |
| 28        | Báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025   | Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2023            | Quốc hội            |
| 29        | Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 | Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2025            | Quốc hội            |
| 30        | Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau   | Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Hằng năm        | Quốc hội            |
| 31        | Báo cáo về nghiên cứu giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA   | Cục Đầu tư nước ngoài        | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |
| 32        | Báo cáo nghiên cứu, xây dựng các quy định khắc phục tình trạng "vốn mỏng", đầu tư "chui", đầu tư "núp bóng"   | Cục Đầu tư nước ngoài        | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |



| TT | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                            | CƠ QUAN PHỐI HỢP              | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH                           |
|----|---|--|-------------------------------|-----------------|-------------------------------------|
| 33 | Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa | Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2022            | Chính phủ                           |
| 34 | Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025   | Cục Phát triển doanh nghiệp                | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Chính phủ                           |
| 35 | Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025   | Cục Phát triển doanh nghiệp                | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Thủ tướng Chính phủ                 |
| 36 | Chương trình tăng cường năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ giai đoạn 2021 - 2025   | Cục Phát triển doanh nghiệp                | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Thủ tướng Chính phủ                 |
| 37 | Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể   | Cục Phát triển hợp tác xã                  | Các đơn vị liên quan          | 2021            | Chính phủ, Ban chấp hành Trung ương |
| 38 | Nghị quyết về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (thay thế Nghị quyết 13)   | Cục Phát triển hợp tác xã                  | Các đơn vị liên quan          | 2022 - 2023     | Ban Chấp hành Trung ương            |
| 39 | Nghị quyết của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể   | Cục Phát triển hợp tác xã                  | Các đơn vị liên quan          | 2023            | Chính phủ                           |



| TT | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN   | CƠ QUAN CHỦ TRÌ              | CƠ QUAN PHỐI HỢP              | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH           |
|----|--|------------------------------|-------------------------------|-----------------|---------------------|
| 40 | Tổ chức Diễn đàn kinh tế hợp tác (hàng năm)  | Cục Phát triển hợp tác xã    | Các đơn vị liên quan          | Hàng năm        | Thủ tướng Chính phủ |
| 41 | Đề án thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020)   | Cục Phát triển hợp tác xã    | Các đơn vị liên quan          | 2021 - 2022     | Bộ trưởng           |
| 42 | Báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025  | Vụ Tài chính, tiền tệ        | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2023            | Chính phủ           |
| 43 | Báo cáo tổng kết thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn 2026 - 2030  | Vụ Tài chính, tiền tệ        | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2025            | Chính phủ           |
| V  | <b>Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế</b>                                       |                              |                               |                 |                     |
| 44 | Đề án về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021 - 2030 thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW | Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |
| 45 | Đề nghị xây dựng Luật Khu công nghiệp, khu kinh tế   | Vụ Quản lý các khu kinh tế   | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2022     | Chính phủ           |
| 46 | Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030   | Viện Chiến lược phát triển   | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |



| TT | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                   | CƠ QUAN PHỐI HỢP  | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH           |
|----|---|-----------------------------------|---|-----------------|---------------------|
| 47 | Nghị quyết về thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, có tính đột phá, đặc thù cho thành phố Hải Phòng  | Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ | UBND thành phố Hải Phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2025     | Quốc hội            |
| 48 | Nghiên cứu xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ đề trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp quản lý cho thành phố Cần Thơ | Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ | UBND thành phố Cần Thơ và các cơ quan, đơn vị liên quan   | 2021 - 2022     | Chính phủ, Quốc hội |
| 49 | Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế   | Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ | Các cơ quan, đơn vị liên quan                             | Quý IV/2021     | Quốc hội            |
| 50 | Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hoá   | Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ | Các cơ quan, đơn vị liên quan                             | Quý IV/2021     | Quốc hội            |
| 51 | Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An   | Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ | UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan, đơn vị liên quan        | 2022            | Quốc hội            |
| 52 | Đề án một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột  | Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ | UBND tỉnh Đắk Lắk và các cơ quan, đơn vị liên quan        | 2022 - 2023     | Chính phủ           |



| TT        | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                                 | CƠ QUAN PHỐI HỢP  | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH           |
|-----------|---|---|---|-----------------|---------------------|
| 53        | Đề án cơ chế, chính sách liên kết vùng Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hòa  | Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ               | UBND các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan | 2022            | Thủ tướng Chính phủ |
| 54        | Xây dựng cơ chế đặc thù phát triển trung tâm tài chính tại Việt Nam   | Vụ Tài chính, tiền tệ                           | Các cơ quan, đơn vị liên quan                                     | 2022 - 2024     | Quốc hội            |
| <b>VI</b> | <b>Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và triển khai các giải pháp chuyển đổi số</b> |   |   |                 |                     |
| 55        | Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam   | Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương      | Các cơ quan, đơn vị liên quan                                     | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |
| 56        | Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025   | Cục Phát triển doanh nghiệp                     | Các cơ quan, đơn vị liên quan                                     | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |
| 57        | Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030   | Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường | Các cơ quan, đơn vị liên quan                                     | 2021            | Thủ tướng Chính phủ |
| 58        | Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030   | Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường | Các cơ quan, đơn vị liên quan                                     | 2022            | Thủ tướng Chính phủ |



| TT         | TÊN CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                                 | CƠ QUAN PHỐI HỢP              | THỜI GIAN TRÌNH | CẤP TRÌNH           |
|------------|---|---|-------------------------------|-----------------|---------------------|
| 59         | Báo cáo quốc gia đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững  | Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2025            | Thủ tướng Chính phủ |
| <b>VII</b> | <b>Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo</b>   |   |                               |                 |                     |
| 60         | Nghị định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư   | Vụ Tổ chức cán bộ                               | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Chính phủ           |
| 61         | Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức chuyên ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê   | Vụ Tổ chức cán bộ                               | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Bộ trưởng           |
| 62         | Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư và phòng tài chính - kế hoạch cấp huyện  | Vụ Tổ chức cán bộ                               | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021            | Bộ trưởng           |
| 63         | Báo cáo đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg về thu hút các nguồn lực xã hội cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới đất liền, trên biển và hải đảo gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân | Vụ Quốc phòng an ninh                           | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2021 - 2025     | Thủ tướng Chính phủ |